

Kinh tế, xã hội vùng đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên - thực trạng và giải pháp phát triển

PHẠM THANH KHIẾT

1. Thực trạng về kinh tế, xã hội vùng đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên

Tây Nguyên có diện tích tự nhiên 5.474.000 ha chiếm 16,3% diện tích cả nước, dân số 4,66 triệu người, chiếm 5,3% dân số cả nước. Toàn vùng có 46 dân tộc anh em cùng sinh sống, trong đó đồng bào Kinh 3.098.439 người, chiếm 66,37% dân số; đồng bào các dân tộc thiểu số tại chỗ 1.181.337 người, chiếm 25,3% dân số; đồng bào các dân tộc nơi khác đến 348.680 người chiếm 8,33% dân số. Tây Nguyên có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế, chính trị và an ninh quốc phòng, vì vậy từ trước đến nay, Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm đầu tư phát triển kinh tế, xã hội Tây Nguyên.

Thực hiện Quyết định số 122/2003/QĐ-TTg, ngày 12-6-2003 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động của Chính phủ, thực hiện Nghị quyết Trung ương VII khoá IX, Quyết định 168/2001/QĐ-TTg ngày 30-10-2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc định hướng dài hạn kế hoạch 5 năm 2001-2005 và giải pháp cơ bản phát triển kinh tế, xã hội vùng Tây Nguyên, triển khai Chương trình 135 và một số chương trình, chính sách khác ở Tây Nguyên, các bộ, ngành ở trung ương và các tỉnh Tây Nguyên đã tập trung mọi nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế, xã hội, bước đầu đem lại những kết quả nhất định.

- Kinh tế có sự chuyển biến.

Năm 2004, tốc độ tăng trưởng GDP khu vực Tây Nguyên đạt 11%, cao hơn cả nước 7,69% và tăng cao hơn năm 2003; trong đó Đắk Lắk tăng 10,44%, Gia Lai tăng 12,5%,

Đắk Nông tăng 11%, Kon Tum tăng 10,5%, Lâm Đồng tăng 12,5%.

Ngành công nghiệp có sự phát triển về quy mô. Đến nay, các tỉnh Tây Nguyên đã xây dựng và mở rộng thêm nhiều khu công nghiệp. Đắk Lắk có 49 khu, Lâm Đồng 38 khu, Kon Tum 8 khu, Đắk Nông có 11 khu, Gia Lai có 32 khu. Công nghiệp chế biến phát triển mạnh. Sản phẩm công nghiệp ngày càng tăng về sản lượng và đa dạng các mặt hàng. Năm 2004 giá trị sản xuất công nghiệp đạt 3640 tỷ đồng, tăng hơn năm trước.¹ Các khu công nghiệp đã thu hút và tạo việc làm cho một bộ phận lao động là con em đồng bào các dân tộc thiểu số.

Ngành thương mại đã cung cấp nhiều mặt hàng phong phú, đa dạng, bảo đảm các mặt hàng thiết yếu như phân bón, muối iốt, dầu hỏa, vở học sinh đến hộ đồng bào các dân tộc thiểu số.

Sản xuất nông - lâm nghiệp có sự chuyển biến mạnh.

Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn đã triển khai xây dựng mô hình điểm chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp tại 10 huyện ở Tây Nguyên như: mô hình giải quyết lương thực cho đồng bào nghèo; mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ bằng việc sử dụng các giống hợp lý; mô hình cải tạo, thâm canh cây công nghiệp; mô hình chăn nuôi... cùng với chính sách khuyến nông, khuyến lâm, một bộ phận đồng bào các dân tộc đã phát triển kinh tế hộ, kinh tế

Phạm Thanh Khiết, PGS.TS. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Phân viện Đà Nẵng.

1. Nguồn: Báo cáo tình hình thực hiện một số chính sách khu vực các tỉnh Tây Nguyên năm 2004 của UBNDT.

trang trại, nhiều hộ đã tự túc được lương thực, phát triển chăn nuôi, trồng cây công nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa.

Xã Ea phê huyện Krông Pak (Đắk Lắk) có 1160 hộ trong đó có 768 hộ đồng bào dân tộc thiểu số sản xuất giỏi, thu nhập hàng năm từ 12 triệu đồng trở lên, có hộ thu hơn 100 triệu đồng từ VAC. Nhiều hộ trồng cà phê đạt 3-4 tấn/ha, làm lúa nước đạt 8-10 tấn/ha. Nhiều hộ mua sắm tư liệu sản xuất như: máy cày, máy xay xát, máy bơm nước và tư liệu sinh hoạt đất tiến như: ti vi, xe máy, điện thoại...

Ở Gia Lai có nhiều gia đình các dân tộc thiểu số nhận đất, rừng phát triển kinh tế ổn định đời sống. Nhiều địa phương đồng bào dân tộc làm kinh tế giỏi như xã Glak huyện Mang Yang có 7000 dân với 1250 hộ đồng bào dân tộc Ba Na trồng lúa đạt năng suất 44,9 tạ/ha, lương thực bình quân hơn 400 kg/người. Nhiều hộ chăn nuôi bò từ 30-40 con.

Ở Kon Tum, nhiều bản làng đã định canh định cư phát triển kinh tế hộ như Đắk Môn, Đắk Lơ, Đắk Kinh. Xã Ngọc Réo có 100% đồng bào dân tộc Xê Đăng điển hình về phát triển kinh tế lâm nghiệp, mỗi hộ nhận từ 5-10 ha để chăm sóc, bảo vệ, được hưởng phụ cấp, khai thác lâm sản, trồng trọt, chăn nuôi dưới tán rừng nên đời sống ổn định².

- Cơ sở hạ tầng được xây dựng, từng bước đáp ứng nhu cầu sản xuất, đời sống nhân dân.

Thời kỳ 1991-1995, tổng nguồn vốn đầu tư xã hội trên địa bàn Tây Nguyên đạt 6.300 tỷ đồng, giai đoạn 1996-2000 đạt 24.000 tỷ đồng, giai đoạn 2001-2005 đạt bình quân mỗi năm 6.200 tỷ đồng. Những năm qua, chương trình 135 và một số chương trình lồng ghép khác đã đầu tư vào 163 xã và hàng trăm buôn làng của đồng bào dân tộc thiểu số với số vốn 750 tỷ đồng để xây dựng cơ sở hạ tầng, đã xây dựng 278 hạng mục giao thông nông thôn, 202 công trình thủy lợi, 141 công trình hạ thế điện, 345 trường học với 1271 phòng học.

Đến hết năm 2004, 98,6% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã, 94,4% số xã có điện lưới quốc gia, 52,5% số hộ đồng bào dân tộc thiểu số dùng điện sinh hoạt, 100% số xã có điện thoại, có trường tiểu học và trạm y tế³.

- Y tế, văn hóa, giáo dục phát triển, đời sống văn hóa, tinh thần từng bước được cải thiện.

Thực hiện Quyết định 139/QĐ - TTg của Thủ tướng Chính phủ, các tỉnh Tây Nguyên đã chữa bệnh và cấp thẻ khám bệnh miễn phí cho đồng bào dân tộc thiểu số, đã cấp 1,59 triệu thẻ bảo hiểm cho đối tượng chính sách và đồng bào dân tộc thiểu số. Đến nay, 100% số huyện có trung tâm y tế, 100% số xã có cán bộ y tế hoạt động. Hầu hết trẻ em dân tộc đều được tiêm chủng phòng 6 bệnh của chương trình tiêm chủng mở rộng.

Các tỉnh đã quan tâm đầu tư cho giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng trường học, có chính sách ưu đãi thu hút giáo viên đến vùng sâu, vùng xa. Tăng hỗ trợ học bổng cho học sinh là con em dân tộc thiểu số, cấp không thu tiền giấy vở, sách giáo khoa cho học sinh các xã đặc biệt khó khăn, hỗ trợ học phí cho trường bán trú. Nhờ đó mà số lượng học sinh tăng, chất lượng được cải thiện. Tỷ lệ học sinh dân tộc bỏ học giảm, tỷ lệ học sinh lên lớp tăng. Đặc biệt chính sách tuyển cử học sinh dân tộc vào các trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học đã đào tạo được một đội ngũ lao động có chất lượng, là nguồn cung cấp cán bộ cho khu vực miền núi. Cùng với giáo dục phổ thông, các tỉnh Tây Nguyên đã ưu tiên đặc biệt trong việc đào tạo cán bộ. Đã tuyển chọn cho đi đào tạo ở các trường của Đảng và Nhà nước, sau khi ra trường được bố trí vào những vị trí lãnh đạo chủ chốt ở cơ sở, các ban ngành ở huyện, tỉnh.

Hoạt động văn hóa, thông tin tuyên truyền được đẩy mạnh. Hầu hết các xã có đài truyền thanh. Các chương trình phát thanh, truyền hình đều phát hai thứ tiếng: kinh và dân tộc. Nhiều chương trình giao lưu văn hóa được tổ chức, các lễ hội văn hóa đặc sắc của từng dân tộc được tổ chức thường xuyên. Các nhà văn hóa cộng đồng như nhà rông được khôi phục ở từng buôn làng. Khôi phục các điệu múa dân gian, nhạc công chiêng và các hình thức văn

2. Nguồn: Tạp chí Sinh hoạt lý luận số 2-2005, tr 17-18.
3. Nguồn: Tư liệu về tự nhiên, kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số Tây Nguyên. Ban chỉ đạo Tây Nguyên.

hóa phi vật thể... Nhờ đó đời sống văn hóa tinh thần được cải thiện, các tập tục lạc hậu dần dần được đẩy lùi.

- *Tình trạng đói nghèo giảm đáng kể.*

Trong 5 năm (2000-2004), ngân sách trung ương đã đầu tư 350 tỷ đồng cho chương trình xoá đói giảm nghèo, ngân sách địa phương đầu tư 120 tỷ đồng, lồng ghép các chương trình, dự án, huy động cộng đồng 120 tỷ đồng, vốn tín dụng đầu tư 300 tỷ đồng tập trung cho công tác xoá đói giảm nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nhờ đó đã có 1,05 triệu lượt hộ được cấp cho không các mặt hàng như: vải, dầu hoả, thuốc chữa bệnh, sách vở, tiền điện. Có 853.000 lượt hộ được hỗ trợ khuyến nông và cấp giống sản xuất. Trên 1,9 triệu lượt học sinh nghèo được miễn giảm học phí. 18.000 lượt cán bộ xã, phường, thôn, bản được tập huấn nâng cao năng lực. Ngoài ra hàng năm trung ương cân đối từ 40-50 tỷ đồng trợ giá, trợ cước các mặt hàng thiết yếu như: giống cây trồng, phân bón, muối Iốt, dầu hoả, thu mua nông sản. Hỗ trợ đời sống bình quân 500.000 đồng/hộ, cho vay sản xuất bình quân 1 triệu đồng/hộ.

Đến nay đã xoá được 29.589 hộ đồng bào dân tộc thiểu số đói nghèo, giảm tỷ lệ đói nghèo chung toàn vùng xuống khá nhanh. Năm 2001 là 24,9%, năm 2002 còn 21,6%, năm 2003 còn 17,4%, năm 2004 còn 12,29%.⁴

Tuy nhiên bên cạnh những thành tựu, vẫn còn hạn chế:

- *Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, không đều.*

Đối với các ngành, lĩnh vực, tập trung chủ yếu là sản xuất nông, lâm nghiệp, các ngành công nghiệp, dịch vụ chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu chung.

Cơ cấu GDP phân theo ngành, lĩnh vực ở Tây Nguyên (%).

Năm	Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ
2001	58	18	24
2004	51	21	28

Nguồn: Tư liệu đã dẫn

Cơ cấu kinh tế có chuyển dịch nhưng chậm, tỷ trọng GDP nông nghiệp còn lớn, tỷ trọng

GDP trong công nghiệp, dịch vụ nhỏ, chiếm 21% và 28%

Công nghiệp vừa đơn điệu vừa phân tán, kỹ thuật lạc hậu, sự tác động của công nghiệp đối với nông nghiệp và nền kinh tế còn ít ỏi. Thương mại, dịch vụ chủ yếu theo kiểu truyền thống, hoạt động nhỏ lẻ, chưa gắn kết chặt chẽ giữa công nghiệp với nông nghiệp trong một cơ cấu thống nhất. Nông nghiệp tập trung phần lớn vào trồng trọt nhưng chuyển đổi cơ cấu sản xuất còn chậm chưa bền vững, nhiều nơi còn lúng túng. Những năm gần đây do tác động của cơ chế thị trường nên có sự chuyển đổi cơ cấu cây trồng tự phát, phá vỡ quy hoạch chung.

Đối với cơ cấu vùng, kinh tế phát triển khá chủ yếu ở các vùng gần đô thị, gần đường giao thông và các đơn vị kinh tế nhà nước, vùng sâu, vùng xa vẫn còn lạc hậu. Ở những nơi này sản xuất nông nghiệp tự cung tự cấp, nhờ trời nên năng suất, hiệu quả thấp.

- Phần lớn đồng bào dân tộc thiểu số chưa quen với sản xuất hàng hóa, còn nhiều khó khăn trong sản xuất.

Ở những vùng sâu, vùng xa, nền kinh tế dựa vào phương thức phát đốt, chọc lỗ, tria hạt, sản xuất nương rẫy và hái lượm là chính. Ở những nơi đã tách hộ lập vườn, cấp đất ở và đất sản xuất vẫn còn khó khăn, nhiều hộ gia đình không biết làm gì, có những hộ bán đất cho người Kinh rồi vào rừng phát nương, làm rẫy. Còn một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số du canh, du cư, một số người đã định cư nhưng còn du canh.

- *Thu nhập chênh lệch và có sự phân hóa giàu nghèo.*

Đối với khu vực đồng bào dân tộc thiểu số, thu nhập chênh lệch khá cao. Số người làm kinh tế trang trại, kinh tế hộ theo hướng sản xuất hàng hóa thu nhập từ 20-200 triệu đồng/hộ/năm. Bộ phận dân cư ở vùng sâu, vùng xa và số người còn du canh du cư thu nhập thấp không đáng kể.

Đối với các dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên, chênh lệch giàu nghèo còn cao. Năm

4. Nguồn: TL đd.

1999 có 10% hộ giàu và 30% hộ nghèo, chênh lệch thu nhập giữa hai loại hộ này là 8,2 lần. Năm 2004, tỷ lệ hộ giàu tăng lên, tỷ lệ hộ nghèo có giảm, nhưng khoảng cách giàu nghèo không giảm. Nếu tính số hộ nghèo trên địa bàn Tây Nguyên thì số hộ nghèo của đồng bào dân tộc thiểu số chiếm trên 80% tổng số hộ nghèo. Đặc biệt ở một số vùng sâu, vùng xa, tỷ lệ đói nghèo của đồng bào dân tộc thiểu số còn cao, trung bình từ 50-60%, có những vùng lên tới 70-75%.

- *Đời sống văn hóa, xã hội còn hạn chế, bất cập.*

Công tác y tế còn nhiều khó khăn, thiếu dụng cụ y tế. Một số bệnh viêm não, viêm đường hô hấp, bệnh tiêu chảy, bệnh sốt xuất huyết, bệnh bướu cổ đã xảy ra và có nguy cơ tái phát.

Công tác giáo dục còn nhiều bất cập, thiếu giáo viên, chất lượng giáo dục thấp, nhiều nơi học sinh bỏ học, cơ sở vật chất thiếu thốn. Các tỉnh Tây Nguyên đang thiếu khoảng 5200 phòng học, trong đó tỉnh Gia Lai thiếu 1247 phòng, tỉnh Kon Tum thiếu 1100 phòng, tỉnh Đak Nông thiếu 838 phòng, tỉnh Lâm Đồng thiếu 1057 phòng⁵. Chất lượng giáo dục trong hệ thống trường nội trú, bán trú còn thấp, việc tuyển chọn con em dân tộc ở các địa phương đi học còn khó khăn và không đủ điều kiện.

Ở vùng sâu, vùng xa, các phương tiện phát thanh truyền hình hạn chế, nhiều tập tục lạc hậu vẫn còn trong đời sống cộng đồng.

Những hạn chế trên do các nguyên nhân sau đây:

- *Điều kiện tự nhiên khắc nghiệt.*

Tây Nguyên có hai mùa: mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa kéo dài từ tháng 4 đến tháng 10, ảnh hưởng đến vật nuôi, cây trồng, sản xuất và đời sống. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 3 gây hạn hán, thiếu nước cho sản xuất và đời sống, dễ cháy rừng. Với khí hậu và đất đai Tây Nguyên, muốn sản xuất ổn định cần phải đầu tư lớn. Đây là điều khó khăn đối với đồng bào các dân tộc thiểu số. Điều này đã lý giải vì sao sống trên mảnh đất giàu tiềm năng, nhưng đến nay đại bộ phận đồng bào dân tộc vẫn duy trì phương thức sản xuất lạc hậu.

- *Điểm xuất phát về kinh tế thấp, cơ sở vật chất kỹ thuật và kết cấu hạ tầng lạc hậu.*

Nền kinh tế nương rẫy với công cụ cổ truyền nên năng suất thấp. Nền kinh tế ấy đã trói chân tay của đồng bào các dân tộc vào cây cỏ thụ tự cung, tự cấp. Kinh tế tự cung, tự cấp không yêu cầu phải mở đường, xây chợ vì nó không cần. Cơ sở vật chất và kết cấu hạ tầng lạc hậu càng làm cho nền kinh tế khép kín, tách biệt với bên ngoài, duy trì mãi tình trạng tự cung, tự cấp.

- *Việc quán triệt chính sách giao đất, giao rừng cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số chưa đầy đủ, chưa sâu sắc.* Công tác tổ chức tuyên truyền, phổ biến, vận động nhân dân thực hiện chưa được thường xuyên, đều khắp. Một số quy định ban hành chưa kịp thời. Công tác giao đất, giao rừng chậm, chưa kiên quyết thu hồi diện tích đất của nông, lâm trường, đất sử dụng không có hiệu quả để cấp cho đồng bào dân tộc thiểu số. Đến hết năm 2004, số diện tích đất cấp đến hộ đạt 46,78%, về số hộ đạt 49,5%⁶.

- *Việc lồng ghép các chương trình phát triển kinh tế, xã hội miền núi chưa thực hiện một cách đồng bộ.*

Quy hoạch đất đai chưa gắn với các khu dân cư. Chưa xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ, nhất là những công trình thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống như: thủy lợi, giao thông, nguồn nước, trường học, chợ... Nguồn vốn hỗ trợ mua sắm tư liệu sản xuất, cho xóa đói giảm nghèo còn ít ỏi, chưa kịp thời. Việc tổ chức, hướng dẫn cách làm ăn mới, đời sống mới khi cấp đất, lập vườn, định canh định cư chưa được thực hiện thường xuyên, vì vậy hiệu quả chưa cao.

- *Nguồn vốn đầu tư ít ỏi, dàn trải.*

Những năm qua Nhà nước đã đầu tư vốn cho khu vực Tây Nguyên để xóa đói giảm nghèo

5. Nguồn: Báo cáo tình hình thực hiện một số chính sách khu vực các tỉnh Tây Nguyên năm 2004 của UBND.

6. Nguồn: Báo cáo về việc giải quyết đất sản xuất, đất ở cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ở Tây Nguyên theo QĐ 132/2002/QĐ-TTg ngày 8-10-2002 của Thủ tướng Chính phủ-Ban chỉ đạo Tây Nguyên, 1-2005.

và xây dựng kết cấu hạ tầng, tuy nhiên so với yêu cầu thì vẫn còn ít ỏi. Nguồn vốn ít nhưng đầu tư còn dàn trải, nên không thể vực dậy một thực trạng kinh tế, xã hội lạc hậu kém phát triển lên ngay được. Bên cạnh đó việc sử dụng các nguồn vốn đầu tư còn lãng phí, thất thoát nên hiệu quả chưa cao, chưa tạo ra sự đột phá làm chuyển biến mạnh mẽ tình hình kinh tế, xã hội ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số.

- Trình độ dân trí thấp.

Trình độ học vấn của dân cư thấp, chủ yếu là cấp I, cấp II. Tỷ lệ mù chữ ở Tây nguyên 11,1%, có nhiều người không nói được tiếng phổ thông. Dân trí thấp thì không thể hiểu và vận dụng đúng đắn hệ thống luật pháp, chủ trương, chính sách phát triển kinh tế, xã hội của Đảng và Nhà nước. Một số nơi còn duy trì luật tục, tập quán lạc hậu trong đời sống cộng đồng. Trình độ học vấn thấp không thể học tập, đào tạo chuyên môn, không sử dụng được các thiết bị kỹ thuật, không có kiến thức về tổ chức quản lý, khó khăn cho việc thâm canh và sản xuất hàng hóa... Đó là cản ngại lớn cho việc phát triển kinh tế, xã hội. Thực tế cho thấy, cùng một diện tích đất, cùng điều kiện và môi trường như nhau, nhưng người Kinh thì làm ăn tốt, phát triển sản xuất hàng hóa, còn đồng bào dân tộc thiểu số thì rất khó khăn, vẫn sản xuất tự cung tự cấp.

- Cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp chưa thật sâu sát trong việc chỉ đạo và hướng dẫn cụ thể việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Một số địa phương cán bộ, đảng viên chưa thật sâu sát với dân, chưa có biện pháp giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong sản xuất, đời sống. Chưa tổ chức tổng kết việc thực hiện các chương trình, những mô hình làm ăn tốt để rút kinh nghiệm đồng thời nhân các điển hình ra diện rộng.

2. Những giải pháp phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên

- Quy hoạch chi tiết đất đai, rừng ở Tây Nguyên.

Căn cứ vào nhu cầu sử dụng đất, nhu cầu các loại sản phẩm trên thị trường, tính toán

khả năng kinh tế, điều kiện môi trường mà quy hoạch lại diện tích đất, rừng cho phù hợp. Quy hoạch đất, rừng phải gắn với quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội và quy hoạch các khu dân cư theo hướng phát triển. Quy hoạch đất đai để xây dựng và hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây thực phẩm, các vùng chăn nuôi gắn với việc xây dựng hệ thống công nghiệp chế biến trên địa bàn Tây Nguyên.

Quy hoạch ở Tây Nguyên phải gắn với việc xây dựng kết cấu hạ tầng, khai thác các nguồn tài nguyên, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất, bảo đảm cho công tác định canh định cư có hiệu quả. Cần quy hoạch cụ thể đất và rừng của các nông, lâm trường, đất sản xuất và đất ở của đồng bào các dân tộc thiểu số tại chỗ, đất cho đồng bào các tỉnh đồng bằng đi kinh tế mới và đất cho đồng bào di cư tự do. Do điều kiện khí hậu, đất đai, thổ nhưỡng và địa hình phức tạp, nên công tác quy hoạch phải tính toán kỹ trên những căn cứ khoa học. Quy hoạch phải tạo điều kiện phân bố lại lao động, dân cư, khai thác các nguồn lực đất nước và lợi thế của khu vực có hiệu quả, phát triển vùng đồng bào các dân tộc thiểu số theo hướng sản xuất hàng hóa.

- Tiếp tục cấp đất ở và đất sản xuất cho đồng bào các dân tộc thiểu số tại chỗ ở Tây Nguyên.

Thực hiện Quyết định 132 của Thủ tướng Chính phủ, các tỉnh Tây Nguyên cấp đất ở và đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ nhưng còn ít, chưa căn bản. Hiện tại một bộ phận đồng bào dân tộc còn thiếu đất, vì vậy cần tiếp tục cấp đất cho đồng bào.

Trên cơ sở quy hoạch, tiếp tục khai hoang diện tích đất chưa sử dụng. Đến năm 2004, diện tích đất nông nghiệp chưa sử dụng là 112.523 ha, cần khai hoang, cải tạo để cấp cho đồng bào dân tộc tại chỗ.

Thu hồi phần đất dư thừa ở các nông, lâm trường để cấp cho đồng bào dân tộc tại chỗ sử dụng. Trước mắt, thu hồi diện tích ruộng nước, diện tích cây hàng năm, cây lâu năm mới trồng và diện tích không sử dụng của các nông lâm trường để cấp cho đồng bào dân tộc.

Nhà nước dùng ngân sách mua lại diện tích đất của người Kinh trong phạm vi liên kết với buôn làng của đồng bào dân tộc thiểu số để cấp cho họ. Việc làm này được coi như là đầu tư phát triển, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng ở vùng miền núi, Tây Nguyên.

Tạo điều kiện để chuyển một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số sang kinh doanh nghề rừng và các ngành nghề khác, thu hút một bộ phận lao động vào làm ở các nông, lâm trường.

- Từng bước giao rừng cho đồng bào dân tộc tại chỗ quản lý, sử dụng lâu dài.

Từ ngàn xưa, rừng đã gắn bó với cuộc sống của đồng bào dân tộc thiểu số. Sau ngày giải phóng, rừng do các nông, lâm trường quản lý nhưng hiệu quả chưa cao. Đời sống nhân dân khó khăn càng gây áp lực mạnh mẽ đến tài nguyên rừng, làm cho rừng bị tàn phá nghiêm trọng. Vì vậy, để quản lý bảo vệ rừng, để người dân hưởng lợi từ rừng và góp phần xoá đói, giảm nghèo thì việc giao rừng cho đồng bào dân tộc tại chỗ là biện pháp hợp lý. Cần điều tra nắm chắc các loại rừng để giao cho đồng bào dân tộc quản lý. Các nông, lâm trường quản lý hệ thống vườn quốc gia, các khu bảo tồn thiên nhiên, diện tích rừng đầu nguồn, lâm dịch vụ sản xuất, lai tạo cung cấp giống, dịch vụ kỹ thuật trồng, bảo vệ rừng. Rừng và đất rừng còn lại giao cho đồng bào dân tộc quản lý, sử dụng lâu dài.

Để đồng bào dân tộc quản lý, sử dụng tài nguyên rừng có hiệu quả, cần tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm, hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng. Đối với rừng giao khoán có thể tăng mức khoán từ 50.000đ lên 80.000-100.000đ/ha, đồng thời có cam kết hợp đồng trách nhiệm, gắn trách nhiệm, nghĩa vụ với quyền lợi của người dân đối với rừng. Về lâu dài, cần đào tạo đội ngũ cán bộ và lực lượng lao động chuyên ngành lâm nghiệp cho đồng bào các dân tộc thiểu số.

- Định canh định cư, ổn định sản xuất và đời sống.

Ở Tây Nguyên còn 2.200 hộ đồng bào dân tộc thiểu số du canh, du cư và hàng ngàn hộ

đã định cư nhưng du canh. Trong đó tỉnh Đăk Lak còn 7.710 hộ đã định cư nhưng còn du canh; Đăk Nông còn 3.343 hộ định cư nhưng du canh và 421 hộ du canh, du cư; Kon Tum còn 5218 hộ du canh. Vì vậy phải tiếp tục định canh, định cư để ổn định đời sống cho đồng bào dân tộc thiểu số.

Trên cơ sở quy hoạch, cần tìm địa bàn thuận lợi vừa bảo đảm sản xuất, ổn định đời sống, vừa bảo vệ tài nguyên môi trường. Nơi đó phải gần giao thông, nguồn nước, có khả năng làm thủy lợi, hoặc gần các nông, lâm trường, để có thể lợi dụng điều kiện vật chất, kỹ thuật, kết cấu hạ tầng. Để thực hiện tốt công tác định canh, định cư cần giải quyết những vấn đề sau đây:

Tuyên truyền vận động thuyết phục nhân dân nhất là các già làng, trưởng bản, thanh niên làm trước, tổ chức các mô hình mẫu để người dân làm theo.

Xây dựng nhà ở và các công trình hạ tầng thiết yếu cho các hộ gia đình. Cấp đất ở để làm kinh tế vườn, trồng cây công nghiệp, cây thực phẩm, chăn nuôi.

Cấp lương thực cho đồng bào từ 6 tháng đến 1 năm, cấp đất sản xuất cho đồng bào đồng thời hướng dẫn cách làm ăn mới.

Hỗ trợ vốn ban đầu để mua sắm công cụ sản xuất, mua giống cây, con và ổn định đời sống.

Quy hoạch một khu đất giữa làng để xây dựng nhà rông, nhà truyền thống, có không gian nhất định để dân làng vui chơi, hội họp, cúng lễ.

Trên cơ sở định canh, định cư, ổn định sản xuất và đời sống, từng bước hướng đồng bào dân tộc vào con đường sản xuất hàng hóa.

- Xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội.

Đầu tư phát triển hệ thống thủy lợi. Tập trung giải quyết những công trình lớn đồng thời ưu tiên xây dựng những công trình nhỏ gắn với các khu dân cư, các vùng sản xuất nông nghiệp. Tận dụng điều kiện từng địa phương để phát triển thủy lợi với nhiều hình thức, quy mô khác nhau. Nhà nước đầu tư những công trình lớn, các công trình nhỏ huy

động sức dân hoặc Nhà nước và nhân dân cùng làm. Bên cạnh những công trình có năng lực tưới tiêu lớn phải khai thác, xây dựng những công trình nhỏ, thủ công ở các mương, rãnh, dòng suối với các hình thức be bờ, đập bồi ngăn dòng chảy. Khai thác, sử dụng các loại hồ chứa, đập dâng để giữ nước đồng thời bê tông hóa kênh mương.

Phát triển giao thông, năng lượng. Phát triển hệ thống giao thông nông thôn, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các vùng định canh, định cư. Phát triển giao thông phải gắn với quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng. Phát triển năng lượng điện, nhất là các nhà máy thủy điện. Trên cơ sở đường dây 500KV, các địa phương xây dựng trạm biến áp kéo điện về nông thôn, đưa về các vùng định canh định cư. Có điện sẽ mở mang ngành nghề, phát triển sản xuất và dịch vụ, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa cho nhân dân.

Xây dựng mạng lưới chợ, cửa hàng, đại lý, trường học, trạm xá ở nông thôn. Rà soát lại các khu dân cư, coi đây là những hạng mục công trình quan trọng cần phải xây dựng. Mỗi xã có một chợ và các đại lý, cửa hàng. Mỗi thôn phải có 1 trường học, có trạm xá và tổ y tế cộng đồng. Trước mắt cán bộ người Kinh thực hiện các hoạt động này, tiến tới đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho các dân tộc thiểu số.

- Phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao dân trí cho đồng bào các dân tộc thiểu số.

Phát triển giáo dục đào tạo ở Tây Nguyên phải đạt 3 mục tiêu: xoá mù chữ cho nhân dân, đào tạo nghề cho người lao động, đào tạo cán bộ người dân tộc thiểu số. Để thực hiện 3 mục tiêu này cần giải quyết những vấn đề sau đây:

Đầu tư xây dựng trường học. Thôn bản có trường cấp I, xã có trường cấp II, huyện có trường cấp III. Trang bị cơ sở vật chất, thiết bị công cụ giảng dạy thực hành. Có chính sách ưu đãi khuyến khích thầy cô giáo đến các bản làng dạy học. Động viên, thuyết phục mọi người dân phải học chữ.

Xây dựng các trường vừa học, vừa làm, trường dân tộc nội trú do tỉnh, huyện quản lý. Mô hình này kết hợp giữa học với hành, là nơi cung cấp nguồn nhân lực cho xã hội, là cơ sở đào tạo đội ngũ cán bộ dân tộc cho khu vực Tây Nguyên.

Cử tuyển học sinh cấp III thuộc các dân tộc thiểu số đi học ở các trường dạy nghề, các trường cao đẳng, đại học theo quy hoạch của các địa phương. Sau khi đào tạo được ưu tiên bố trí vào các chức danh ở cơ sở, xã, huyện.

Tuyển chọn số cán bộ đảng viên cho đi đào tạo ở trường đảng làm nòng cốt trong hệ thống chính trị ở cơ sở của khu vực Tây Nguyên.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và tổ chức thực hiện của Nhà nước.

Phát triển kinh tế, xã hội Tây Nguyên là những vấn đề lớn ảnh hưởng đến hàng triệu đồng bào, ảnh hưởng đến chính trị, xã hội và an ninh quốc phòng, vì vậy phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và tổ chức thực hiện của Nhà nước. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước là để bổ sung, điều chỉnh chủ trương chính sách và giải quyết kịp thời những vướng mắc, có biện pháp ổn định tình hình, đồng thời tổng kết rút kinh nghiệm từ thực tế. Các cấp, các ngành phải cử cán bộ về cơ sở cùng ăn, cùng ở, cùng làm với nhân dân, gắn bó với dân, hướng dẫn nhân dân thực hiện thắng lợi các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước./